

**BẢN TIN TUẦN**

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC  
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

**Lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng phụ cận**

**(Tuần từ 18/09 đến 24/09/2020)**

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1.1. Lượng mưa**

*Bảng 1.1. Tổng hợp lượng mưa, dự báo mưa tại các trạm chính*

TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-(%))					Dự báo tình hình mưa tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
1	Đà Nẵng		401,8	-44	-59	-58	-44	-44	129
2	Ái Nghĩa		490,2	-43	-40	-42	-30	-43	144
3	Giao Thủy		411,4	-40	-45	-53	-18	-37	133
4	Hiệp Đức		489,2	-44	-45	-34	-36	-45	142
5	Câu Lâu	47,0	1.124,8	-1	-29	+1	+49	+1	115
6	Tam Kỳ	15,6	902,2	-24	-52	-40	+9	+0	244
7	Hội Khách	2,0	382,1	-55	-60	-61	-57	-58	226
8	Trà My		709,8	-31	-35	-33	-12	-19	207
9	Thành Mỹ	7,0	1.170,1	-22	-44	-35	-3	-10	244
10	Nông Sơn	16,0	1.027,1	-17	-38	-33	+10	+9	224
11	Hội An	147,6	580,6	-15	-12	-20	-10	-16	249
<b>Trung bình</b>		<b>21,4</b>	<b>699,0</b>	<b>-31</b>	<b>-42</b>	<b>-37</b>	<b>-13</b>	<b>-24</b>	<b>187</b>

**Nhận xét:** Trong tuần qua tại một số trạm đo mưa chính trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn có mưa với lượng mưa bình quân đạt 21,4 mm. Tổng lượng mưa bình quân cộng dồn từ đầu năm đến nay tại các trạm đo mưa chính trên địa bàn vùng nghiên cứu đạt khoảng 699 mm, thấp hơn trung bình nhiều năm khoảng 31%. Dự báo trong tuần tới do ảnh hưởng của cơn bão số 5 trong vùng sẽ có mưa to đến rất to, lượng mưa phổ biến từ 115 ÷ 250 mm.

**1.2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện**

**a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi**

*Bảng 1.2. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy lợi*

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )		Hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/-%)					Xu thế kỳ tiếp
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đông Nghệ*	17,17	15,87	8	1	-18,8	-30,8	-28,8	3,7	0,7	Tăng

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )		Hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/-%)					Xu thế kỳ tiếp
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2016	2018	2019	
2	Hòa Trung	11,01	10,67	30	27	-8,9	26,5	18,1	-37,3	-29,5	Tăng
3	Phú Ninh	344,00	273,70	21	1	-13,0	-9,9	-13,3	-16,6	-7,3	Tăng
4	Việt An*	22,95	20,12	15	3	-6,6	2,2	-6,5	0,9	-8,9	Tăng
5	Khe Tân	54,00	46,50	38	28	3,2	6,9	4,5	6,5	7,6	Tăng
6	Vĩnh Trinh*	20,74	18,34	13	2	-9,2	-13,5	-4,9	13,3	-6,4	Tăng
7	Thái xuân	12,03	11,38	5	0	-24,3	-27,5	-24,6	-33,5	-13,8	Tăng
8	Thạch Bàn	9,87	8,38	34	22	-5,6	-1,1	1,6	-8,8	-6,0	Tăng
9	Đông Tiễn	7,69	6,88	11	0	-9,1	-3,1	-2,9	-5,2	-1,2	Tăng
10	Phước Hà	6,34	5,89	8	0	-6,9	-7,0	-3,2	-10,2	-1,0	Tăng
11	Hố Giang	5,05	4,82	8	3	-19,4	3,2	-16,0	-30,3	3,2	Tăng
12	Cao Ngạn	4,13	3,68	1	0	-17,7	-10,2	-21,1	-20,6	-16,2	Tăng
13	Phú Lộc	3,51	3,33	5	0	-15,1	-3,6	0,6	-8,2	-9,0	Tăng
14	An Long	2,04	1,84	30	22	-0,8	29,9	-2,0	-6,9	5,3	Tăng
15	Trung Lộc	1,96	1,75	6	0	-16,9	-7,8	-4,7	-19,0	-4,7	Tăng
16	Hương Mao	1,14	1,05	5	0	-4,5	5,3	5,3	-30,7	5,3	Tăng
17	Cây Thông	0,99	0,94	5	0	-15,2	0,6	-4,5	-21,6	-1,4	Tăng
18	Đá Vách	0,80	0,70	44	36	-37,9	-52,3	-57,3	-27,3	-52,3	Tăng
19	Nước Rôn	0,58	0,46	10	0	-41,7	-33,3	-40,2	-10,9	-67,8	Tăng
	<b>Tổng</b>	<b>526,00</b>	<b>436,31</b>	<b>21</b>	<b>5</b>	<b>-11,2</b>	<b>-7,5</b>	<b>-10,4</b>	<b>-12,2</b>	<b>-28,8</b>	

**Nhận xét:** Tổng dung tích toàn bộ thiết kế của 19 công trình hồ chứa thủy lợi lớn trên địa bàn vùng nghiên cứu là 526 triệu m<sup>3</sup>, hiện tại tổng dung tích các hồ đạt 21% so với dung tích toàn bộ thiết kế, 5% so với dung tích hữu ích thiết kế, thấp hơn so với cùng kỳ trung bình nhiều năm là 11,2%, thấp hơn cùng kỳ năm 2019 là 28,8%, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018 là 12,2%.

**b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du**

*Bảng 1.3. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy điện chính bổ sung nước vùng hạ du*

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )		Hiện tại (%)		So với cùng kỳ (+/-)					Dự báo xu thế nguồn nước	Qđền (m <sup>3</sup> /s)	Q xả (công/tràn) (m <sup>3</sup> /s)	Q chạy máy (m <sup>3</sup> /s)	MN hiện tại so với QTV H (m)
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2016	2018	2019					
1	A Vương	343,6	266,5	23,1	0,9	-16,7	-12,1	-19,3	+1,0	-4,1	Giảm	25,8		54,8	-35,5
2	Sông Tranh 2	729,2	521,1	30,0	2,0	-6,0	-6,1	-12,4	-1,3	-1,7	Giảm	37,6		79,0	-30,9
3	Đăk Mít 4	312,4	158,3	52,5	6,2	-6,3	-10,2	-11,5	-5,8	-2,9	Giảm	31,1	3,2	49,1	-13,7
4	Sông Bung 4	510,8	234,0	55,4	2,6	-6,9	-10,0	-19,2	0,0	-4,4	Giảm	44,4		54,7	-12,0
5	<b>Tổng</b>	<b>1.896,0</b>	<b>1.179,9</b>	<b>39,3</b>	<b>2,4</b>	<b>-8,2</b>	<b>-8,9</b>	<b>-13,6</b>	<b>-1,3</b>	<b>-3,0</b>					

**Nhận xét:** Hiện tại, tổng dung tích toàn bộ trong các hồ đạt khoảng 39,3% so với dung tích toàn bộ thiết kế, đạt 2,4% dung tích hữu ích thiết kế, thấp hơn so với trung bình nhiều năm là 8,2%, thấp hơn cùng kỳ năm 2019 khoảng 3,0% và thấp hơn cùng kỳ năm 2018 là 1,3%. Các hồ hiện tại mực nước thấp hơn từ 12,0 ÷ 35,5 m so với mực nước quy định tại bảng 1,2 điều 6 của quy trình vận hành 1865/2019/QĐ-TTg.

Vận hành các nhà máy thủy điện trong tuần qua như sau:

+ Thủy điện A Vương: Lưu lượng đến trung bình đạt 25,8 m<sup>3</sup>/s, hồ phát điện liên tục, với lưu lượng chạy máy trung bình đạt 54,8 m<sup>3</sup>/s.

+ Thủy điện Sông Bung 4: Lưu lượng đến trung bình đạt 44,4 m<sup>3</sup>/s, hồ phát điện không liên tục, với lưu lượng chạy máy trung bình đạt 54,7 m<sup>3</sup>/s.

+ Thủy điện Đăk Mi 4: Lưu lượng đến trung bình đạt 31,1 m<sup>3</sup>/s, hồ phát điện liên tục với lưu lượng chạy máy trung bình đạt 49,1 m<sup>3</sup>/s. Lưu lượng xả về hạ du sông Vu Gia 3,2 m<sup>3</sup>/s.

+ Thủy điện Sông Tranh 2: Lưu lượng đến trung bình đạt 37,6 m<sup>3</sup>/s, hồ phát điện không liên tục, lưu lượng chạy máy trung bình đạt 79,0 m<sup>3</sup>/s.

## II. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TÍCH NƯỚC

Bảng 2.1. Phương án tích nước hồ chứa phù hợp

TT	Tên công trình	Mức nước hồ hiện tại (m)	Q xả max (m <sup>3</sup> /s)	Mức nước lớn nhất và thấp nhất tại thời điểm tính toán (m)			W đến dự báo hết mùa lũ (triệu m <sup>3</sup> )	W hồ dự báo (%)	Khuyến cáo tích nước	
				MNDBT (m)	Mức nước hồ lớn nhất cho phép	Mức nước nhỏ nhất khuyến cáo			Khuyến cáo phương án tích nước	Mức nước hồ dự báo theo khuyến cáo (m)
1	Phú Ninh	20,53		32	30,50	25,85	435,77	100	Theo QTVH	32,00
2	Vĩnh Trinh	19,14		30,15	29,19	23,86	34,78	100	Theo QTVH	30,15
3	Việt An	77,77		92,1	88,00	77,00	16,44	100	Theo QTVH	92,10
4	Đồng Nghệ	15,12		33,3	30,30	21,00	30,98	100	Theo QTVH	33,30
5	Khe Tân	16,53		21,8	21,80	14,31	102,35	100	Theo QTVH	21,80

Theo dự báo của Trung tâm dự báo Quốc gia tổng lượng mưa từ nay đến cuối mùa lũ trung bình tại các trạm trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng phụ cận dao động từ 1.800 ÷ 2.400 mm, cao hơn trung bình nhiều năm từ 25 ÷ 35%. Mưa tập trung vào các tháng 10 và tháng 11. Tổng lượng mưa từ nay đến cuối mùa lũ còn khá lớn và hiện nay trong vùng đang bị ảnh hưởng của cơn bão số 5 dự báo tuần tới sẽ có mưa to đến rất to. Vì vậy các địa phương, các chủ hồ cần gia cố hồ đập, theo dõi, bám sát diễn biến tình hình thời tiết để đảm bảo an toàn cho các hồ chứa.

## II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện nay 19 công trình hồ chứa nước vừa và lớn trong vùng còn 21% dung tích thiết kế. Nhiệm vụ sản xuất vụ Hè Thu năm 2020 của 38 công trình cấp nước tưới cho 27.092 ha. Các công trình đáp ứng đủ nguồn nước theo kế hoạch sản xuất đề ra.

Trên địa bàn lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn chuẩn bị bước vào mùa mưa lũ. Vì vậy các địa phương, các chủ hồ cần theo dõi, bám sát diễn biến tình hình thời tiết để đảm bảo an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ và chuẩn bị cho kế hoạch tích nước cuối mùa mưa phục vụ cấp nước vụ Đông Xuân sắp tới.

Tập đoàn điện lực Việt Nam cần chỉ đạo các chủ hồ vận hành các hồ tuân thủ theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định 1865/2019/QĐ-TTg và Điều 28 Luật Thủy lợi nhằm hỗ trợ công tác cấp nước và phòng chống lũ lụt hạ du trong thời gian sắp tới.

**Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 25/9/2020.**